

Đông Hoa Lư, ngày 29 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Ninh Phúc

2. Địa chỉ:

- Địa chỉ: Số 533 phố Phúc Trung, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Địa chỉ: Số 161 phố Đoàn Hạ, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại:
- Địa chỉ thư điện tử: phuctrungninhphuc@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: Nbh-tpnb-mnninhphuc@edu.viettel.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục mầm non

** Sứ mạng*

Nhà trường có sứ mạng thực hiện công tác, nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm cho trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tôn trọng và đáp ứng nhu cầu, khả năng của từng trẻ; hình thành cho trẻ những nền tảng ban đầu về nhân cách, kỹ năng sống và thói quen tích cực, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ sẵn sàng bước vào bậc học tiếp theo.

Đồng thời, Nhà trường tăng cường phối hợp với gia đình và cộng đồng; không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất và hoạt động giáo dục, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục mầm non của địa phương.

** Tầm nhìn*

- Luôn duy trì và giữ vững trường Mầm non đạt chuẩn mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Nhà trường phấn đấu xây dựng cơ sở giáo dục mầm non chất lượng, uy tín; là môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu gửi trẻ của cha mẹ trẻ.

Nhà trường hướng tới phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao; tăng cường ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến, chú trọng giáo dục hòa nhập, bảo đảm cơ hội học tập công bằng cho mọi trẻ.

Trong giai đoạn tiếp theo, nhà trường từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, đồng bộ; xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của giáo dục mầm non địa phương.

** Mục tiêu*

Nâng cao toàn diện chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo hướng chuẩn hóa, hiệu quả và bền vững; bảo đảm an toàn, sức khỏe và sự phát triển phù hợp của trẻ. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng các mô hình, giải pháp giáo dục tiên tiến, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong nhà trường. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có năng lực, trách nhiệm và tinh thần đổi mới; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng sự phối hợp với gia đình và cộng đồng, tạo nền tảng vững chắc cho nhà trường phát triển lên tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục mầm non

- Trường mầm non Ninh Phúc là một ngôi trường có lịch sử lâu năm, tiền thân của trường thuộc xã khó khăn, nhân dân chủ yếu là nông nghiệp. Được thành lập từ năm 1999 nằm trên địa bàn xã Ninh Phúc, Huyện Hoa Lư nay thuộc phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Ngày ấy trường có 7 điểm trường, nhiều điểm lẻ có lớp ghép thực hiện Chương trình 26 tuần, dạy 1 buổi trên ngày; Không có văn phòng làm việc, không có đủ cơ cấu tổ chức hoạt động của nhà trường, hầu hết giáo viên chưa qua đào tạo (lấy con em địa phương vào dạy và cho đi học bồi dưỡng chứng chỉ sơ cấp - trung cấp) hoạt động với điều kiện thiếu thốn 9 năm liền, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đến tháng 10 năm 2008 trường tập trung về 2 khu: Khu Phúc Trung và khu Yên Phúc, mặc dù được dồn về 2 khu nhưng cơ sở vật chất vẫn còn thiếu thốn nhiều, trước những khó khăn thách thức đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên quyết tâm phấn đấu xây dựng thương hiệu của nhà trường, làm tốt công tác tham mưu, công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đến tháng 10 năm 2010 nhà trường được UBND tỉnh kiểm tra công nhận trường mầm non Ninh Phúc đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Tháng 12/2010 trường được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang công lập. Từ đây Trường Mầm non Ninh Phúc bước sang trang sử mới, được UBND thành phố Ninh Bình công nhận trường là đơn vị văn hóa, bộ máy tổ chức trong nhà trường đầy đủ các vị trí việc làm và có đủ định biên giáo viên/nhóm, lớp.

- Với quy mô 02 điểm trường 12 nhóm, lớp (NT: 02 nhóm; MG: 10 lớp) với 297 trẻ. Nhà trường luôn lấy tiêu chí chất lượng là hàng đầu, tất cả vì thế hệ

tương lai “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai” Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn nung nấu xây dựng một tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất một lòng, tích cực tham mưu, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, phối với cha mẹ trẻ huy động tối đa trẻ đến trường, thực hiện tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Với sự nỗ lực không ngừng tháng 4/2015 nhà trường được tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3; tháng 6/2016 được tỉnh kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; Tháng 6/2023 nhà trường được SGDĐT công nhận và cấp giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; tháng 7/2023 UBND tỉnh công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành nhiều năm liền nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học, được UBND Thành phố và UBND Tỉnh khen thưởng. Năm học 2017 – 2018; 2022-2023 trường được đón nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, năm học 2018- 2019 trường đạt danh hiệu tập thể xuất sắc cấp Tỉnh; Được các cấp các ngành ghi nhận là động lực thúc đẩy và cũng là niềm vinh dự lớn đối với tập thể sư phạm nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật.

- Họ và tên: Đàm Thị Thu
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ: Trường Mầm non Ninh Phúc, phố Phúc Trung, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0912797274
- Thư điện tử: Mssdamthu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Trường Mầm non Ninh Phúc được thành lập năm 1999, đến tháng 12/2010 trường được chuyển đổi từ loại hình trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình. Hiện tại, nhà trường có 02 điểm trường, điểm trường chính đặt Phố Phúc Trung, điểm trường lẻ đặt tại Phố Đoàn Hạ.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.

- Trường Mầm non Ninh Phúc là trường hạng I, trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Đ/c: Đàm Thị Thu, sinh năm 1982, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng nhà trường theo Quyết định số 5141/QĐ-TC ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình

- Đ/c Đỗ Thị Đào, sinh năm 1979 được bổ nhiệm làm PHT theo Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 27/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình

- Đ/c Phạm Thị Vân, sinh năm 1984 được bổ nhiệm làm PHT theo Quyết định số 5138/QĐ-CT ngày 14/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG MẦM NON NINH PHÚC

HIỆU TRƯỞNG
BÍ THƯ CHI BỘ
Đàm Thị Thu

HỘI ĐỒNG THI ĐUA
KHEN THƯỞNG
Đàm Thị Thu
Đỗ Thị Đào
Phạm Thị Vân
Trần Thị Phương Lan
Khiếu Thị Tươi
Phạm Thị Yên
Kim Thị Phượng
Nguyễn Thị Bình

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ BÍ THƯ CHI BỘ
Đỗ Thị Đào

BAN ĐẠI DIỆN
CHA MẸ TRẺ
Nguyễn Văn Phúc
Đỗ Xuân Nhận
Đỗ Thị Chiên

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Vân

TỔ CHUYÊN MÔN

TỔ VĂN PHÒNG
Nguyễn Thị Bình
Lã Thị Hương
Đặng Văn Phong
Nguyễn Văn Thuật

TỔ MẪU GIÁO
Trần Thị Phương Lan- TT
Phạm Thị Yên- TP
Lã Thị Liêm- TP
Vũ Thị Thu Hương
Nguyễn Thị Thu Huyền
Lương Thùy Dương
Nguyễn Thị Huyền Trang
Đỗ Thị Tuyền
Bùi Thị Thuý
Điền Thị Nhung
Vũ Thị Huyền
Vũ Thị Hậu
Điền Thị Dung
Điền Thị Ánh
Phạm Thị Xuyên
Điền Thị Linh
Cao Phương Anh
Quách Thị Hiền
Lã Thị Thương
Nguyễn Thu Hà

TỔ NHÀ TRẺ
Khiếu Thị Tươi - TT
Kim Thị Phượng - TP
Phạm Thị Bích
Bùi Thị Hồng
Đàm Thị Hồng Giang
Nguyễn Thị Thắm
Nguyễn Thị Tích
Bùi Thị Tuyết
Nguyễn Hà Huyền Trang
Lã Thị Oanh

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và trình độ đào tạo

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 38 đồng chí.

Đối tượng	T. số	Trong biên chế	Ngoài biên chế		Trình độ chuyên môn					Trình độ chính trị		TĐ. Tin học	TĐ Ngoại ngữ	Đang học ĐH, CĐ	GV GTP	Đán g viên	
			HĐ 111	Hợp đồng trường	ĐH	CĐ	TC	SC	< chuẩn	TC	SC						
Hiệu trưởng	1	1			1						1		1	1			1
Hiệu phó	2	2			2						2		2	2			2
Giáo viên NT	5	5			4								5	4		2	4
Giáo viên MG	21	18	1	2	19	2							21	20		16	17
NV nấu ăn	6			6		1		5									1
NV Kế toán	1	1			1								1	1			1
Nhân viên Y tế	1		1		1								1	1			1
Bảo vệ	2			2				2									
Cộng	39	29	2	10	28	3	0	7		3		31	29	0	18	27	

(Hiện tại nhà trường thiếu 04 giáo viên biên chế theo thông tư 19/2023/TT - BGDĐT, quy định định mức số lượng người làm việc trong các trường MN công lập)

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

100% CBQL, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp: Xếp loại tốt 17/26=65,3%; Xếp loại khá: 8/26=30,7%; Xếp loại đạt: 1/26=3,8%

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành chương trình Bồi dưỡng thường xuyên. Nhân viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề. Nhân viên nấu ăn có giấy xác nhận bồi dưỡng kiến thức an toàn thực phẩm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ em.

- Nhà trường có 02 điểm trường, tổng diện tích sử dụng là 7.447,2 m²

Stt	Tiêu chuẩn	Thực tế		
		Tổng số	Khu Phúc Trung	Khu Yên Phúc
1	Điểm trường		Tổng số N/L: 5, TS trẻ 127 - Nhà trẻ: Số nhóm: 01, số trẻ 27 - Mẫu giáo: Số lớp: 04, số trẻ: 100, trong đó: 3T: Số lớp: 1, số trẻ: 28 4T: Số lớp: 2, số trẻ 36 5T: Số lớp: 1, số trẻ: 36	Tổng số N/L: 07, TS trẻ 160 - Nhà trẻ: Số nhóm: 01, số trẻ 29 - Mẫu giáo: Số lớp: 06, số trẻ: 131, trong đó: 3T: Số lớp: 2, số trẻ: 36 4T: Số lớp: 2, số trẻ 42 5T: Số lớp: 2, số trẻ: 53
2	Số lượng nhóm, lớp	12 nhóm lớp	5 nhóm lớp	7 nhóm lớp
	<i>Nhà trẻ</i>	2 nhóm	1 nhóm	1 nhóm
	<i>Mẫu giáo</i>	10 lớp	4 lớp	6 lớp
3	Địa điểm trường	Thuận lợi	Thuận lợi	Thuận lợi
4	Diện tích khuôn viên và sân trường			
	<i>Diện tích đất</i>	7.447,2m ² = 26,2m ² /trẻ	5.479m ² = 44,m ² /trẻ	1.968,2m ² = 12m ² /trẻ
	<i>Cổng, biển tên trường</i>	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	<i>Hàng rào</i>	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
5	Khối phòng hành chính quản trị			
5.1.	Phòng HT	36,6m ²	36,6m ²	
5.2.	Phòng các Phó HT	66,6m ²	36,6m ²	30m ²
5.3.	Văn phòng	35m ²		35m ²
5.4.	Phòng dành cho nhân viên	20m ²	20m ²	
5.5.	Phòng bảo vệ	50m ²	25m ²	25m ²
5.6.	Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên	2/2	13,86m ²	9m ²
5.7.	Khu để xe cán bộ, giáo viên	2/2	95m ²	40m ²
6	Khối phòng NDCSGD trẻ em			
6.1.	Phòng NDCSGD trẻ			
	<i>Phòng sinh hoạt chung</i>	61,8m ² /phòng	55m ² /phòng	68,7m ² /phòng
	<i>Phòng ngủ</i>		32m ² /6 phòng	30m ²
	<i>Khu vệ sinh trẻ</i>	12/13 nhóm lớp có khu vệ sinh	13,8m ²	13,2m ²
	<i>Hiên chơi, đón trẻ em</i>		1,6m ² / trẻ	1,6m ² / trẻ
	<i>Kho nhóm lớp chứa đồ dùng</i>	6m ²	8m ²	8m ²
	<i>Phòng giáo viên</i>	Không có	Không có	Không có
5.3.	Phòng GD thể chất, phòng GD nghệ thuật			
	<i>Phòng GD thể chất</i>	60m ²	60m ²	Không có
	<i>Phòng GD nghệ thuật (Phòng GD tạo hình)</i>	60m ²	60m ²	
	<i>Phòng đa năng</i>	72,5m ²	72,5m ²	Không có
	<i>Phòng Tin học</i>	47,5m ²	47,5m ²	Không có
	<i>Phòng ngoại ngữ</i>	47,5m ³	47,5m ³	Không có
	Sân chơi riêng của nhóm, lớp	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	Khối phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	186m ²	106m ²	80m ²
	Kho lương thực	10m ²	10m ²	
	Kho thực phẩm	24m ²	12m ²	12m ²
	Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn	2 cái	01 cái	01 cái
	Khối phụ trợ			
	Phòng họp	60m ²	60m ²	Không có

	Phòng y tế	47.5m2	47,5m2	Không có
	Nhà kho chung của trường	55m2	50m2/2 kho	Không có
	Sân vườn	3m2/trẻ	3m2/trẻ	3m2/trẻ
	<i>Trong đó sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm</i>	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
8	Hạ tầng kỹ thuật			
	Hệ thống cấp nước sạch	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo (dò bể ngầm)
	Hệ thống thoát nước	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hệ thống thu gom rác thải	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
9	Thiết bị đồ dùng	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ

3. Số lượng các thiết bị đồ dùng đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

100% các nhóm lớp có đủ trang thiết bị dạy học theo danh mục Đồ dùng-Đồ chơi-Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN (Theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015), có 13 tỉ vi thông minh kết nối mạng internet cho 13 nhóm lớp giúp giáo viên sử dụng hiệu quả trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Đồ chơi ngoài trời: 28 loại phục vụ cho các hoạt động vui chơi, vận động liên hoàn, thực hành trải nghiệm của trẻ.

- Có 7 máy vi tính và 5 máy in phục vụ công tác quản lý, hành chính; 04 máy chiếu phục vụ các hoạt động dạy học, 01 màn hình hiển thị. Tất cả các thiết bị máy tính đều được kết nối Internet ở cả 02 điểm trường.

IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Tình hình triển khai: Trong năm 2026, nhà trường tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình rà soát, đảm bảo tính khách quan, trung thực và phù hợp với thực tế.

Các điều kiện đảm bảo chất lượng: Qua quá trình tự đánh giá, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục tại trường tiếp tục được duy trì vững chắc và nâng cao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi được quan tâm bổ sung, cải tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Công tác quản lý, ứng

dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ được tăng cường.

Kết quả đạt được theo tiêu chuẩn: Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá theo quy định kiểm định chất lượng giáo dục mầm non. Kết quả tự đánh giá khẳng định nhà trường giữ vững chất lượng giáo dục đạt Kiểm định chất lượng Cấp độ 3 và danh hiệu Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

b) Các nội dung cần cải tiến chất lượng (Hạn chế):

Bên cạnh kết quả đạt được, để duy trì vững chắc vị thế trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2, nhà trường xác định một số nội dung cần tiếp tục tập trung cải tiến bao gồm: Bổ sung, nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động giáo dục tại các nhóm lớp nhằm đảm bảo tính đồng bộ cao hơn. Tăng cường chiều sâu và đổi mới không gian sáng tạo trong việc xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Nâng cao hơn nữa hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy của một vài giáo viên. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng thực hành cho đội ngũ giáo viên trẻ nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

c) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Nhà trường xác định công tác cải tiến chất lượng sau tự đánh giá là nhiệm vụ thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trong giai đoạn tiếp theo, nhà trường tập trung thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

Về cơ sở vật chất: Tiếp tục rà soát, đầu tư mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

Đội ngũ: Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực chuyển đổi số cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Chuyên môn: Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tích cực xây dựng môi trường giáo dục "Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn – Thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm".

Quản lý: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tăng cường kiểm tra nội bộ; thắt chặt mối quan hệ phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm liên tiếp hằng năm.

2.1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian

Nhà trường luôn chú trọng công tác đánh giá ngoài, nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị của đoàn đánh giá nhằm duy trì và nâng cao các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả công nhận qua các mốc thời gian cụ thể như sau:

STT	Thời gian công nhận	Kết quả đạt Kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD)	Kết quả đạt chuẩn Quốc gia	Cơ quan ban hành Quyết định / Cấp Giấy chứng nhận
1	Tháng 10/2010	Chưa đánh giá	Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Tháng 4/2015	Đạt KĐCLGD Cấp độ 3		Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Tháng 7/2016		Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2	Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Tháng 6/2023	Đạt KĐCLGD Cấp độ 3		Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Tháng 7/2023		Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2	Ủy ban nhân dân tỉnh

Qua các mốc thời gian, nhà trường liên tục giữ vững, phát huy các tiêu chí chất lượng và chu kỳ đánh giá. Từ mốc đánh giá gần nhất (năm 2023) đến nay (năm 2026), nhà trường xuất sắc duy trì song song hai danh hiệu cao quý nhất của bậc học: Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

2.2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm liên tiếp hằng năm.

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài, trong 5 năm liên tiếp nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm học, tập trung vào các nội dung còn hạn chế và các tiêu chí cần tiếp tục nâng cao nhằm duy trì, phát triển chất lượng giáo dục toàn diện.

Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát các tiêu chí, xây dựng giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình triển khai thực hiện. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả cải tiến chất lượng được thực hiện thường xuyên, kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.

Trong 5 năm qua, nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

Về cơ sở vật chất và cảnh quan môi trường: Cảnh quan môi trường sư phạm từng bước được đầu tư, cải tạo theo hướng xanh – sạch – đẹp – an toàn. Nhà trường đã tập trung nguồn lực đầu tư 816.440.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho công tác cơ sở vật chất. Trong đó, chi 503.126.000 đồng để mua sắm bổ sung các danh mục trang thiết bị, đồ dùng,

đồ chơi phục vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, khắc phục triệt để tình trạng thiếu đồng bộ giữa các lớp; và dành 313.314.000 đồng để xây dựng, sửa chữa, cải tạo toàn diện môi trường trong, ngoài lớp học và tu sửa trang thiết bị nhà bếp.

Về chất lượng đội ngũ: Năng lực cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn luôn duy trì ở mức cao. Đội ngũ giáo viên tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy hằng ngày. Đặc biệt, nhà trường có 26/24 giáo viên chứng chỉ giáo dục STEAM (vượt chỉ tiêu) và 100% cán bộ, giáo viên đã hoàn thành khóa học khung năng lực số, được cấp giấy chứng nhận hoàn thành theo quy định.

Về thực hiện chương trình giáo dục: Việc triển khai chương trình giáo dục mầm non có nhiều đổi mới vượt bậc. Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế để trẻ phát triển toàn diện.

Quản lý và chuyển đổi số: Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động của nhà trường được nâng cao rõ rệt, đảm bảo tính khoa học và lưu trữ đồng bộ. Nhà trường đã đưa vào khai thác và vận hành hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý nhà trường (SMAS), phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (CBCCVC), cùng hệ thống CSDL của Sở Giáo dục và CSDL Quốc gia, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm kế toán, phần mềm tính khẩu phần ăn cho trẻ và phần mềm quản lý tài sản công... góp phần tối ưu hóa quy trình quản trị học đường.

Công tác phối hợp: Mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng ngày càng chặt chẽ, tạo sự đồng thuận cao và góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần tiếp tục cải tiến trong thời gian tới: Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại theo hướng đồng bộ. Tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng số toàn diện cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số sâu rộng trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Nhà trường tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm gắn với nhiệm vụ năm học, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học.

1.1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm học 2026 - 2027, Trường Mầm non Ninh Phúc xây dựng kế hoạch tuyển sinh đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em trong độ tuổi được đến trường học tập.

a) Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Trẻ em từ 18 tháng tuổi đến 6 tuổi được tiếp nhận vào Trường Mầm non Ninh Phúc theo quy định, cụ thể như sau:

Nhà trẻ: Trẻ em từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi.

Mẫu giáo: Trẻ em từ 3 tuổi đến 6 tuổi.

Trẻ em khuyết tật được tiếp nhận vào học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung không quá 03 tuổi.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm học 2026 - 2027, nhà trường dự kiến huy động 370 trẻ/15 nhóm, lớp, gồm: 03 nhóm trẻ.

12 lớp mẫu giáo.

Cụ thể:

Phần đầu huy động từ 42% trở lên trẻ em trong độ tuổi từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi ra lớp nhà trẻ.

Huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến trường, lớp mẫu giáo ở các loại hình công lập và tư thục; trong đó phần đầu huy động trẻ mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi đạt trên 95%, trẻ 5 tuổi đạt 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp.

Vận động, khuyến khích trẻ khuyết tật có khả năng học hòa nhập được đến trường học tập và tham gia các hoạt động giáo dục phù hợp.

c) Phương thức và địa bàn tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển trực tiếp đối với trẻ em trên địa bàn phường Đông Hoa Lư theo vùng tuyển sinh được phân công, đảm bảo trẻ được học gần nơi cư trú và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh khi đưa trẻ đến trường.

Nhà trường phối hợp với địa phương rà soát số lượng trẻ trong độ tuổi tuyển sinh để xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và quy mô trường lớp.

Trường hợp số lượng trẻ vượt quá khả năng tiếp nhận của nhà trường, nhà trường báo cáo UBND phường và phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được đến trường theo quy định.

d) Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh

Nội dung thực hiện Thời gian

Tuyên truyền công tác tuyển sinh: Từ ngày 01/7/2026

Đăng ký xét tuyển trực tiếp: Từ ngày 13/7/2026 đến hết ngày 17/7/2026

Xếp lớp, phân công giáo viên Ngày 21/7/2026

Duyệt và báo cáo kết quả tuyển sinh Trước ngày 31/7/2026

đ) Địa điểm và thời gian tuyển sinh

Địa điểm tuyển sinh: Tại phòng hành chính của 02 điểm trường:

Khu A: Tổ dân phố Phúc Trung, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Khu B: Tổ dân phố Đoài Hạ, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian làm việc:

Buổi sáng: Từ 7h30 đến 11h00.

Buổi chiều: Từ 14h00 đến 17h00.

e) Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin nhập học.

Bản sao giấy khai sinh của trẻ.

Các giấy tờ liên quan khác theo quy định (nếu có).

Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; tổ chức tiếp nhận hồ sơ đúng quy định, đảm bảo công khai, khách quan và tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh học sinh.

1.2. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

a) Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với từng độ tuổi; duy trì nề nếp bán trú, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ trong thời gian ở trường.

Tiếp tục xây dựng thực đơn theo mùa, cân đối các nhóm chất dinh dưỡng, đảm bảo khẩu phần ăn hợp lý và an toàn thực phẩm cho trẻ; duy trì tốt hoạt động bếp ăn bán trú theo quy định. Thực hiện đầy đủ quy trình kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Tổ chức cân đo, theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng; khám sức khỏe định kỳ cho trẻ theo quy định; phối hợp với cơ quan y tế thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và chăm sóc sức khỏe học đường.

Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân cho trẻ; tuyên truyền tới cha mẹ trẻ kiến thức về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho trẻ em.

b) Công tác giáo dục

Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non phù hợp

với điều kiện thực tế của nhà trường và khả năng phát triển của trẻ ở từng độ tuổi.

Tiếp tục đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của trẻ; tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài trời, giáo dục kỹ năng sống và kỹ năng tự phục vụ cho trẻ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Tăng cường xây dựng môi trường giáo dục xanh – sạch – đẹp – an toàn – thân thiện; bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng hiện đại và phù hợp với từng độ tuổi.

c) Chỉ tiêu thực hiện

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần trong thời gian ở trường.

100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi so với đầu năm học.

100% nhóm, lớp thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch năm học.

100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;

Nhà trường thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ nhằm tạo sự thống nhất về nội dung, phương pháp giáo dục và đảm bảo môi trường phát triển toàn diện cho trẻ.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với cha mẹ trẻ thông qua các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm và cuối năm học; trao đổi trực tiếp hằng ngày khi đón, trả trẻ; thông qua bảng tuyên truyền, nhóm lớp, điện thoại và các ứng dụng công nghệ thông tin để kịp thời thông tin về tình hình học tập, sức khỏe và sự phát triển của trẻ.

Cha mẹ trẻ được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và phối hợp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tại gia đình. Nhà trường tạo điều kiện để phụ huynh tham gia các hoạt động trải nghiệm, ngày hội, ngày lễ và các phong trào của nhà trường nhằm tăng cường sự gắn kết giữa gia đình và nhà trường.

Bên cạnh đó, nhà trường tích cực phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể và cơ quan y tế trong công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp; chăm sóc sức khỏe học đường; đảm bảo an ninh, an toàn

trường học; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và giáo dục kỹ năng cho trẻ.

Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường ngày càng được nâng cao, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và hiệu quả.

d. Thực đơn hàng ngày của trẻ em

- Thực hiện xây dựng thực đơn tuần chẵn, tuần lẻ và chú trọng chế biến, phối hợp món ăn hợp lý tối thiểu 8 loại thực phẩm, trong đó có 3-5 loại rau, củ, thức ăn không trùng thực phẩm theo ngày.

Thực đơn tuần lẻ (Tuần 1, 3)

Thứ Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa sáng	Cơm trắng - Thịt lợn kho tàu - Canh cua rau đay, mồng tơi - Rau củ quả xào	Cơm trắng - Thịt bò hầm khoai tây, cà rốt - Canh ngao rau mồng tơi	Cơm trắng - Ruốc thịt cá - Cá nấu canh chua - Rau củ quả luộc	Cơm trắng - Trứng cút thịt kho tàu - Canh xương thịt củ quả	Cơm trắng - Thịt ngan hầm củ quả - Canh thịt rau cải
Bữa phụ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ
Bữa chiều	Cháo thịt gà bí đỏ	Phở xương thịt	Cháo thịt ngan đậu xanh	Phở riêu cua thịt	Cháo thịt củ quả

Thực đơn tuần chẵn (Tuần 2, 4)

Thứ Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Bữa sáng	Cơm trắng - Thịt gà rim củ quả - Canh cua rau đay, mồng tơi	Cơm trắng - Ruốc thịt, lạc vùng - Canh xương, thịt bí xanh	Cơm trắng - Tôm rim thịt - Canh tôm rau đay, mồng tơi - Rau củ quả xào	Cơm trắng - Trứng đúc thịt - Canh ngao rau mồng tơi	Cơm trắng - Thịt sốt đậu phụ - Canh cá rau cải - Rau củ quả luộc
Bữa phụ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ	Sữa mega grow IQ
Bữa chiều	Cháo thịt củ quả	Phở xương thịt bò	Cháo thịt vịt bí đỏ	Bánh đa cua thịt	Cháo thịt gà bí đỏ

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

a. Tổng số trẻ; tổng nhóm, lớp số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp trên 1 lớp;

Năm học 2025–2026, nhà trường có 12 nhóm, lớp với tổng số 297 trẻ. Trong đó: 02 nhóm nhà trẻ với 60 trẻ; 10 lớp mẫu giáo với 237 trẻ.

Số trẻ bình quân đạt 25 trẻ/nhóm, lớp. Nhà trường duy trì ổn định sĩ số trẻ, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành đối với cơ sở giáo dục mầm non.

b. Số trẻ em được học 2 buổi trên ngày;

Năm học 2025–2026, nhà trường tổ chức cho 297/297 trẻ học 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 100%. Việc tổ chức học 2 buổi/ngày đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

c. Số trẻ được tổ chức ăn bán trú;

Nhà trường tổ chức ăn bán trú cho 297/297 trẻ, đạt tỷ lệ 100%. Công tác tổ chức bán trú được thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, cân đối dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu phát triển thể chất cho trẻ theo từng độ tuổi.

d. Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

Nhà trường thực hiện theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho 297/297 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

Kết quả cân đo tháng 3/2026 như sau:

Nhà trẻ: Tổng số trẻ được cân đo là 60 cháu, đạt 100%.

Về cân nặng: 58 cháu bình thường, đạt 96,6%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 01 cháu, chiếm 1,7%; béo phì 01 cháu, chiếm 1,7%.

Về chiều cao: 58 cháu bình thường, đạt 96,6%; thấp còi 02 cháu, chiếm 3,4%.

Mẫu giáo: Tổng số trẻ được cân đo là 237 cháu, đạt 100%.

Về cân nặng: 222 cháu bình thường, đạt 93,7%; suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 04 cháu, chiếm 1,7%; béo phì 11 cháu, chiếm 4,6%.

Về chiều cao: 226 cháu bình thường, đạt 95,4%; thấp còi 11 cháu, chiếm 4,6%.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm học giảm 3,3% so với đầu năm học; tỷ lệ trẻ thấp còi giảm 1,4% so với đầu năm học.

đ) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

Nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi theo quy định. Huy động 100% trẻ 05 tuổi trên địa bàn ra lớp; tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non.

100% trẻ 05 tuổi được học 2 buổi/ngày, ăn bán trú tại trường và được theo dõi sức khỏe định kỳ. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được duy trì ổn định; trẻ mạnh dạn, tự tin, có các kỹ năng phù hợp với độ tuổi.

Kết quả cuối năm, 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, đủ điều kiện sẵn sàng vào lớp 1; nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi.

e) Số trẻ em khuyết tật; 01 trẻ

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các khoản thu chi từ nguồn NSNN cấp năm 2025

STT	Nội dung	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên	6.640.700.400	6.640.700.400	0
2	Ngân sách nhà nước cấp chi không thường xuyên	1.700.328.700	1.700.328.700	0

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 (đến thời điểm 31/05/2026):

STT	Tên các khoản thu	Mức thu	Tổng số thu	Tổng số chi	Tổng số tiền dư
1	Tiền ngân sách cấp bù miễn học phí cho trẻ mầm non	180.000đ/trẻ/tháng	203.760.000	54.114.367	149.645.633
2	DV tiền ăn + chất đốt, nước rửa bát	25.000đ/trẻ/ngày	1.142.575.000	1.142.575.000	0
3	DV tiền đồ dùng phục vụ bán trú	Cháu mới: 300.000đ/trẻ/năm Cháu cũ: 100.000đ/trẻ/năm	51.454.000	51.454.000	0
3	DV tiền chăm sóc bán trú	200.000đ/trẻ/tháng	224.600.000	224.600.000	0
4	DV tiền điện	20.000đ/trẻ/tháng	51.760.000	48.699.973	3.060.027
5	DV tiền nước	10.000đ/trẻ/tháng	25.880.000	24.635.272	1.244.728
6	DV tiền vệ sinh	15.000đ/trẻ/năm	39.345.000	39.345.000	0
7	Tiền DV nấu ăn	110.000đ/trẻ/tháng	161.150.000	161.150.000	0
8	Tiền DV QLHS bán trú	5.000đ/trẻ/ngày	125.180.000	125.180.000	0
9	Làm quen tiếng Anh (giáo viên là người nước ngoài – bản ngữ)	60.000đ/trẻ/ngày	240.000đ/trẻ/tháng	240.000	0

3. Chi tiền lương và thu nhập năm 2025

STT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Chi tiền lương và thu nhập	6.030.249.375	
1	Lương theo ngạch, bậc, tiền công	3.052.634.127	
2	Các khoản phụ cấp	1.718.888.169	
3	Các khoản đóng góp	838.876.079	
4	Chi tinh giản biên chế	419.851.000	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	998.052.611	
1	Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ chuyên môn	757.791.000	
2	Duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất	90.191.718	
3	Chi điện, nước, vệ sinh, internet	18.107.343	
4	Chi thuê mượn khác	122.062.550	
5	Chi bồi dưỡng, phát triển đội ngũ	9.900.000	
III	Chi hỗ trợ người học	441.274.900	
1	Trợ cấp; Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	161.570.000	
2	Khen thưởng, thi đua	279.704.900	
IV	Chi khác	871.452.214	
1	Chi văn phòng phẩm, VTVP	48.483.988	
2	Chi cho các sự kiện lớn	32.878.328	
3	Các khoản chi khác	790.089.898	
	Tổng cộng	8.341.029.100	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của ngành và đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhà trường và 04 cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn nghiêm túc xây dựng kế hoạch và thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về thể chất và tinh thần; không để xảy ra dịch bệnh, mất an toàn trong trường học. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện nghiêm túc tại 05/05 bếp ăn bán trú; bếp ăn được bố trí theo quy trình một chiều, sạch sẽ, đúng quy cách, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ.

Nhà trường chủ động tìm nguồn giáo viên hợp đồng, tham mưu UBND phường bổ sung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo số lượng theo quy định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật hoặc vi phạm đạo đức nhà giáo.

Công tác bồi dưỡng chuyên môn được quan tâm thực hiện thường xuyên thông qua sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thao giảng, tập huấn chuyên đề và tự học, tự bồi dưỡng. 100% cán bộ, giáo viên được tiếp cận và vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến vào thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; thực hiện đánh giá trẻ theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; 12/12 nhóm, lớp thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. 100% lớp mẫu giáo ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong tổ chức hoạt động. Nhà trường tập trung xây dựng mũi nhọn với 02 lớp (5TA, 5TD) ứng dụng các phương pháp Montessori/STEAM/Reggio Emilia; 01 lớp (5TA) thực hiện hoạt động góc theo phương pháp Montessori.

100% giáo viên thực hiện soạn giáo án trên máy vi tính, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ, học liệu điện tử, tài liệu trực tuyến và ngân hàng video phục vụ hoạt động chuyên môn.

Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021–2025; triển khai phù hợp chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, chuyên đề “Phòng chống bạo hành trẻ em” gắn với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Xây dựng 05 lớp điểm gồm: lớp 5TC, 4TA, 4TC, 3TA và 2TB.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ được nâng cao. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm học giảm 3,3% so với đầu năm học; tỷ lệ trẻ thấp còi giảm 1,4%; tỷ lệ trẻ béo phì được kiểm soát hiệu quả. Công tác huy động trẻ ra lớp đạt kết quả tích cực: nhà trẻ đạt 32,8% dân số độ tuổi; mẫu giáo đạt 70,8% dân số độ tuổi; trẻ 5 tuổi đạt 100% dân số độ tuổi.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các khoản thu, chi theo đúng quy định; đảm bảo công khai, minh bạch, thu đủ bù chi, tạo được sự đồng thuận của cha mẹ trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Công tác cải tiến chất lượng giáo dục được triển khai hiệu quả; cơ sở vật chất, phòng học, nhà vệ sinh được duy trì sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường từng bước đầu tư, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp; phấn đấu đến năm 2027 đảm bảo đầy đủ các điều kiện phục vụ công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

Công tác tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục và phối hợp với cha mẹ trẻ được thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Nhà trường duy trì đăng tải các bài viết, video tuyên truyền về giáo dục mầm non, kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trên website nhà trường và các phương tiện thông tin của địa phương.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động nền nếp, hiệu quả; các phong trào thi đua, cuộc vận động của ngành được triển khai nghiêm túc, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Nhà trường hoàn thành tốt các lĩnh vực công tác giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đàm Thị Thu